

BẢN LUẬN QUYỂN 90

Trên đây, trong phần nói rộng về môn nghiệp, có ba đoạn. Hai đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây, là đoạn thứ ba, sẽ giải thích rộng mười sáu thứ nghiệp, trong đó trước nêu mười sáu môn nghiệp. Sau theo thứ lớp mà nói:

Trong phần trước lại có hai:

1/ Dùng nửa bài tụng nêu mười sáu môn. Năm hai, tức là năm thứ hai môn. Với mười ba, tức là mười thứ ba môn, hợp với trước, thành mười lăm.

Bốn nghiệp sau cùng, nghĩa là bốn nghiệp như hắc v.v... là môn thứ mười sáu.

2/ Văn xuôi y theo bài tụng thứ lớp thuộc tương đương có thể biết. Dưới đây, trong phần nói theo thứ lớp: a- Giải thích năm thứ hai môn, nói “Do ba nhân duyên, khiến cho nghiệp thành nặng:

1. Do ý nghiệp: Tức triển cực mạnh sẽ tạo ác, tâm thuần tịnh làm điều thiện.

2. Do gia hạnh: Thường nghiệp tạo vô gián kia.

3. Vì do ruộng: Đối với người có ơn, như cha, mẹ v.v... Nếu người trụ chánh hạnh, tức bốn hưởng và quả của chánh hạnh, nghĩa là tức bốn quả và Phật v.v... Đây là tạo nghiệp thiện, ác đối với người có ơn, kể cả ruộng kính.

Nói: “Đối với tất cả nối tiếp nhau thanh tịnh, đã có các nghiệp, gọi là không tăng tiến”, nghĩa là trong thân người hữu Học, có nghiệp thiện, bất thiện, không tăng tiến, đã tư duy trong tạo nghiệp, có sự lẫn lộn. Kỳ hạn người giết vua, giết lầm người giương cung, dù chẳng phải nghiệp đạo sát. Cho nên, tư duy tạo nghiệp không lầm lẫn, thì sẽ được thừa nhận vì trái với tướng này, gọi là “phi” nên tư duy.

Thọ nghiệp quyết định: Cố tư duy tạo nghiệp nhẹ, là tạo tác không tăng trưởng. Vì “phi” cho nên tư duy tạo nghiệp là nghiệp bất định kia vì dễ hiểu, nên không nói.

Dị thực đã thực nghiệp, nghĩa là đã được nghiệp báo. Chưa thành thực ngược lại.

“Nếu khi muốn chứng quả A-la-hán”, trở xuống, là phân biệt Nhị thừa, có thể làm trở ngại hay không? Luận sư Cảnh nói: “Khi muốn chứng La-hán, trước hết, nghiệp thọ quyết định đã tạo tác, do quả Dị thực hiện ở trước, nên có thể gây chướng ngại v.v... nghĩa là như nghiệp là nghiệp chướng trong thân người học phàm phu, như biển, như núi: nghĩa là cảm

nghiệp thân nữ, nghiệp Uất-đơn-việt, trời Vô Tướng, huỳnh môn v.v... Nghiệp này chủ yếu sinh quả hiện ở trước, mới có thể làm trở ngại, không chứng đắc La-hán, tức gọi là nghiệp chướng, báo chướng. Nếu chưa dẫn sinh quả thì không thể làm chướng ngại, nên nói “không do theo đuổi thân, vì nối tiếp nhau.” Vì sao? cho đến “không thể làm chướng ngại”, nghĩa là nếu ở thân ở trước tạo nghiệp sinh thọ, thì thân này sẽ thọ quả sẽ không được La-hán. Nếu đối với thân trước chỉ tạo Hậu thọ, tất nhiên sẽ không làm chướng ngại cho thân này, liền được La-hán. Dù không gây trở ngại, nhưng hậu thọ kia chẳng phải không thọ nghiệp quyết định. Vì sao? Vì tức nương tựa sự giúp sức của phiền não kia. Thái Pháp sư nói: “Nghiệp bất thiện quyết định, gọi là nghiệp chướng, có thể cảm thân bệnh bốn đại bất bình đẳng, vì quả báo hiện tiền, nên bệnh. Thân do hạt giống nghiệp theo đuổi thân bản thức, cho nên gọi là nghiệp chướng. Nếu thân này không thọ nghiệp báo chướng đạo thì chỉ trong thân người, trời, có hạt giống nghiệp bất thiện, định nghiệp của hậu báo, mà không thể chướng ngại được cực quả Vô học, do đó sắp chứng Vô học, trong thân vẫn còn có nghiệp ác, chẳng phải không thể chướng ngại được quả Vô học. Khi được quả Vô học, sẽ không được Phi trạch diệt, nhưng người kia thọ nghiệp ác, gọi là định nghiệp, vì sao? Do dựa vào phiền não hữu làm giúp đỡ cho nghiệp. Và dựa vào nghiệp kia, vì thân nối tiếp nhau của phiền não hữu kia, nên lập thọ nghiệp quyết định, vì trong thân Vô học, không có phiền não, nên đã có thọ nghiệp báo nhất định, thuận với báo sau v.v... đều chuyển biến, khiến không thọ. Theo thuyết của tông luận này thì nghiệp năm nghịch sẽ có thể dứt trừ phiền não, cũng có thể thay đổi, không đồng với thuyết thí dụ nói: “Tất cả nghiệp đều có thể chuyển”.

Kế là giải thích mười thứ ba môn. Nói “Như thật biết khắp”, tức là phương tiện khéo, nên gọi là thiện, thuận với nghiệp lạc thọ, nghĩa là ba tịnh lự trước và nghiệp thiện cõi Dục, thuận với nghiệp khổ thọ, nghĩa là chiêu cảm sinh nghiệp của đường ác. Dưới đây nghĩa nghiệp không hết, luận tự rõ ràng: Đối với quý, bàng sinh, cũng có cảm nghiệp lạc thọ, lược qua không nói trời, người cõi Dục cũng có cảm nghiệp khổ thọ.

Thuận với nghiệp không khổ không vui, nghĩa là tịnh lự thứ tư và Địa trên v.v... đều có nghiệp”.

Hỏi: “Ba thiền dưới có báo xả thọ hay không?”

Giải thích: “Xả thọ của A-lại-da, cả năm đường đều có. Sáu thức không nhất định.

Thuyết của hai Luận sư ở các nước phương tây không đồng:

1. Nói ba thiên trở xuống, ý thức không có báo xả thọ. Thọ sinh này qua đời, chỉ ở xả thọ của A-lại-da, qua đời, thọ sinh. Bấy giờ ý thức không được có. Nếu theo giải thích này, thì sẽ thuận với văn chỗ này chỉ có bốn thiên trở lên, mới có Báo xả thọ của ý thức.

2. Luận sư thứ hai nói: “Các luận đều tranh cãi về ba thiên trở xuống “có”, hay “không”, là tranh luận xả báo “có”, “không”, chứ không tranh cãi về Lại-da.

Nếu vì nghĩa này, nên ý thức của địa dưới, cũng có xả báo, qua đời, thọ sinh, trái với văn này. Nay, dung hòa hội ý để giải thích: Chỉ y cứ ở ba thọ, địa riêng vì lời nói, nên nói là địa dưới có xả thọ kia. Về mặt lý thật ra thiện, bất thiện đều được xả báo, cho đến địa ngục qua đời, thọ sinh, cũng có cảm nghiệp bất thiện của xả thọ.

“Thuận với hiện pháp thọ nghiệp cho đến “Các nghiệp đã tạo”. Nghĩa là nghiệp báo của ba thời gian, trừ nghiệp năm nghịch, nghiệp Luân vương, nghiệp khác không thể chỉ định hành tướng của nghiệp đó. Nghiệp như thế sẽ được hiện báo, sinh báo, chỉ có thể dựa vào hy vọng nói chung.

Nói việc gia hạnh, nghĩa là đặt để thí cho v.v... Nếu tướng như thế, vì đã tạo các nghiệp Dị thực, thành thực ở trong hiện pháp. Như nói từ diệt không có tranh cãi. Kiến đạo và Vô học ghi nhận từ chánh thọ ký kia: Tức được quả. Sau sinh rất dễ hiểu.

“Nghiệp” Hữu học cho đến “Và sau này sẽ được nghiệp thiện hữu lậu v.v...” Văn này chỉ y cứ ở ba nghiệp vô lậu trong thân Bạc thánh Hữu học và nghiệp hữu lậu thiện, gọi là học. Ở đây y cứ vào chân thật học mà nói. Văn chỗ khác nói là phần giải thoát, phần thông đạt thiện, kể cả nghiệp vô lậu của kiến tu, đều gọi là Học. Ở đây y cứ tương tự nói chung là học.

“Nghiệp Vô học cho đến “Tùy thích ứng với các nghiệp”, nghĩa là ba nghiệp vô lậu trong thân Vô học và ba nghiệp thiện hữu lậu, đều là nghiệp Vô học. Các nghiệp khác với nghiệp này, được gọi là nghiệp Phi học, phi Vô học, nghĩa là nghiệp của ba tánh trong thân phàm phu. Nghiệp ẩn mất bất thiện trong thân Vô học, đều là “Câu phi”.

“Nếu kiến dứt trừ phiền não tương ứng cho đến “gọi là kiến dứt trừ nghiệp”, nghĩa là nếu cụ thể, cũng nên nói rằng, kể cả nghiệp hữu thứ tám, nghiệp thân người nữ, nghiệp Uất-đơn-việt, nghiệp trời Vô tướng, nghiệp Huỳnh môn v.v... đều là kiến dứt trừ. Nghiệp không dứt trừ, cái gọi là tất cả nghiệp xuất thế gian Hữu học, Vô học: chỗ khác có văn nói mười cõi, gọi là không dứt trừ, nghĩa là cõi bảy tâm, cõi pháp

sắc, thanh. Trong đây chỉ lấy nghiệp vô lậu học xuất thế, gọi là vô đoạn. Nghĩa là trong đây, y cứ ở tánh chân thật không có dứt trừ. Luận kia y cứ ở giới pháp đã có trong thân Vô học, vì đã dứt trừ hết ràng buộc, nên gọi là vô đoạn.

Hỏi: “Nếu vậy trong thân Vô Học, nếu đã dứt trừ ràng buộc thì gọi là vô đoạn, đây là mười tám giới trong thân Vô học, đều đã dứt trừ hết, gọi là vô đoạn?”

Giải thích: “Về mặt lý thật sự ngang nhau, chỉ vì mười giới là tánh thiện kia được gọi là vô đoạn. Tánh của năm căn, ba trần là vô ký, không được gọi là vô đoạn.”

Nói “Hiện pháp đoạn cho đến “Đây là phàm phu chưa lìa dục, trụ nơi đây, chết đi: nghĩa là phàm phu chưa lìa dục, trước vì cố ý tạo nghiệp mà khởi chán lìa, hàng phục không hiện hành.

“Đã chưa lìa dục, chết đi lại sinh ở đương địa, mà chưa có thể khiến ở phần vị sinh kế tiếp, không tạo ra nghiệp kia, không thọ Dị thực v.v...”, nghĩa là dù nhằm chán nghiệp đã tạo ở hiện pháp, nhưng không thể khiến cho nghiệp bị nhằm chán này không dẫn đến sinh báo, cũng không thể làm cho không còn tạo nghiệp trong sinh thân kế tiếp, cũng không thể khiến cho ở phần vị sau kia không có sự tạo nghiệp.

Nói “ở trong hiện pháp, cũng chưa hoàn toàn có thể khiến cho không tạo nghiệp”, nghĩa là dù hiện thân tạm nhằm chán, hàng phục nghiệp đã tạo, nhưng cũng chưa chắc có thể khiến cho trong một thân không còn tạo nghiệp lại.

“Vì sinh đoạn cho đến “nhưng chưa giải thoát được tác nghiệp của phần vị sau và thọ Dị thực, nghĩa là phàm phu lìa dục, nhằm chán tạo nghiệp hiện tại, chết đi sinh lên cõi trên, thì sẽ không có sinh kế tiếp thân cõi Dục, trong đó tạo nghiệp. Nhưng phàm phu này, về sau, thối lui sự sinh, nhân nghiệp nhằm chán ở trước, thọ báo sau của cõi Dục, lại tạo nghiệp trong thân báo sau, nên nói “Nhưng vẫn chưa giải thoát nghiệp đã tạo của phần vị sau và thọ Dị thực.

“Về về sau, đoạn”, nghĩa là lại có một, dù là Hữu học, nhưng đối với cõi Dục, chưa được lìa dục, thọ nhằm lìa xong, được chứng đắc quả đầu tiên, hoặc chứng quả Sa-môn thứ hai, người kia nghĩ rằng: “Thông thường, cái ngã do nhiều thô nặng, do nhiều nóng bức mà tạo nên nghiệp ác. Hoặc lại nghiệp thiện, nguyện cùng lúc thọ dụng với người kia. Đừng để cho ta sẽ phải thọ báo kia của phần vị sau. Phát thệ nguyện xong, lại tu bốn vô lượng, dùng phẩm định Xa-ma-tha, chính thức khởi gia hạnh, nghĩa là hàng phục “hoặc”, được thiên vị lai và vì tiến đến lìa dục ái.

Phải biết rằng, hoặc ý ưa giận, từ dứt trừ. Hại bị bi dứt trừ. Ganh ghét, đố kỵ, bị hỷ dứt trừ. Sự việc đáng yêu, là xả dứt trừ. Các nghiệp đã tạo đều là thể của tâm, nối dõi cho đến được quả Bất hoàn.

“Nếu chỉ ở đây tạm thời sinh hỷ, kiến cho đến “hoặc ở địa vị sau”. Nghĩa là chỉ đối với quả A-Na-Hàm này tạm sinh hỷ, tức, không cầu quả trên. Đối với hiện pháp còn không tạo nghiệp, vì không còn thọ sinh nối cõi Dục, hưởng chi sinh ở địa vị sau, mà được tạo nghiệp. Lại, “Ngoài chánh pháp rơi vào tà kiến cho đến “đều gọi là nghiệp tà vạy”, nghĩa là nghiệp thiện ác ở trong thân ngoại đạo, đã khởi, từ tà kiến mà sinh, đều gọi là ba nghiệp cong vạy. Tham sân mạnh mẽ, nhạy bén, đã khởi các nghiệp, đều gọi là nghiệp như bản. Theo văn Quyết Trạch, tức là nghiệp tà vạy, thêm nghiệp tham, sân kia đã khởi, gọi là chung là nghiệp như bản.

Si mạnh mẽ, nhạy bén, nghĩa là nêu lên người tạo nghiệp vẫn đục. Căn chậm lụt (độn căn) phẩm trên, với niệm quên mất, là nhắc lại nghiệp tà vạy ở trước. Người chậm lụt rất tối tăm, nêu nghiệp như bản ở trước. Nghiệp si đã khởi, nói về nghiệp từ ngu si tạo ra, đều là nghiệp vẫn đục, nghĩa là hai nghiệp tà vạy, như bản và si đã tạo, đều là nghiệp vẫn đục.

Ghi nhận văn trong Quyết trạch, đối với nói ở đây nói khác với luận Tiểu thừa, tất cả có thể đi qua diệu hạnh của cõi thiện, đều gọi là tịnh nghiệp.

Nếu theo luận Tiểu thừa, thì tất cả diệu hạnh thanh tịnh, có cả nghiệp hữu lậu, vô lậu và hạnh vô tham v.v... đều gọi là hạnh ba diệu, ba tịnh. Nay trong văn này chỉ ba nghiệp hữu lậu, thọ sinh ở cõi thiện người, trời, gọi là tịnh nghiệp. Lại, chỉ là tánh nghiệp, không có phi nghiệp, tất cả có thể đi đến diệu hạnh Niết-bàn, gọi là nghiệp mặc nhiên, tức ba nghiệp mãn.”

Luận Tiểu thừa nói: “Thân, miệng Vô học mãn, kể cả tâm Vô học. Nay, thế văn này đã nói: “Tất cả có thể đi qua diệu hạnh Niết-bàn, đều gọi là nghiệp yên lặng, tức biết chung cho nghiệp hữu học, Vô học, đều thuộc về một mặc nhiên.”

Dưới đây, là giải thích bốn nghiệp như hắc v.v... có thể chiêu cảm các nghiệp ác nơi Na-Lạc-Ca của nơi chốn riêng, gọi là nghiệp hắc hắc. Văn chỗ khác nói: “Tất cả nghiệp bất thiện, gọi là nghiệp hắc hắc, có thể chiêu cảm các nghiệp thiện cõi trời của nơi chốn riêng, gọi là nghiệp bạch bạch.

Văn dưới đây nói trên Tha Hóa, có cung điện ma. Cung điện trở

lên và nghiệp thiện của hai cõi trên, gọi là nghiệp bạch bạch. Chỗ khác nói nghiệp thiện của ba cõi đều gọi là bạch bạch, chiều cảm nơi chốn khác có các nghiệp, gọi là hắc bạch, nghĩa là nói sáu tầng trời cõi dục, người bốn thiên hạ, kể cả quỷ, súc đã có nghiệp thiện, gọi là hắc bạch, hắc bạch. Văn còn lại nói: “nghiệp thiện ác cõi Dục, gọi là nghiệp hắc bạch, hắc bạch.”

Hỏi: “Vì sao trên dưới không đồng?”

Giải thích: “Danh từ một nghĩa, chỗ khác y cứ vào tánh nghiệp kia để chế lập bốn nghiệp, nên nói: “Thiện của ba cõi gọi là Bạch bạch. Tất cả nghiệp bất thiện, gọi là hắc hắc. Nếu tạo ra tướng thiện, ác xen lẫn, thì gọi là hắc bạch, hắc bạch. Hoặc có khi cố ý hắc phương tiện bạch, hoặc có khi phương tiện hắc nên ý bạch nghiệp lẫn lộn như thế gọi là Hắc bạch, nên ý bạch. Nếu thuần thiện không lẫn lộn với ác, gọi là bạch bạch. Ác ròng không xen lẫn thiện, gọi là hắc hắc.”

Nay, trong văn này y cứ ở báo nói địa ngục, chỉ thọ quả của nghiệp ác. Cung ma trở lên, chỉ thọ trong báo thiện xen lẫn thọ, khổ, vui, nên dựa vào nghĩa này để phán quyết ba nghiệp riêng.”

Hỏi: “Cung Ma thuộc cõi Dục, có thể không có khổ, thọ ư?”

Giải thích: “Giả thiết có khổ thọ là vì hóa, chẳng phải báo, nên nói rằng, do nơi chốn kia, mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp, hoàn toàn đáng yêu nối tiếp nhau. Vì nghĩa tăng thượng thù thắng, nên môn ý dẫn phát, vì ý thành nghĩa, đều thọ khổ riêng, thọ vui riêng, nên gọi là “đều riêng”.

Nói “Môn sáu xúc xứ, thường lãnh thọ”, nghĩa là sáu căn môn thường lãnh thọ.

Y cứ trong lựa chọn xứ, nửa bài tụng đầu nêu bốn môn, đầu tiên, là an lập đẳng trí, đồng đẳng. Sau cùng phải biết lìa dục đẳng.

Đã giải thích an lập đẳng xong. Kế là, giải thích trí đẳng, có một bài tụng, chia ramười môn: 1- Vô trí; 2- Trí; 3- Định; 4- Thù thắng; 5- Chương; 6- Học đẳng; 7- Chấp mắc; 8- Vô ngã; 9- Thánh đạo; 10- Biển không đồng phần.

Trong giải thích của Văn xuôi, đầu tiên giải thích vô trí:

Nói “Theo trước đã nói có ba chúng hữu tình, vô trí là căn bản:

1. Nghĩa là tà kiến khởi nghiệp tà vạy.
2. Nghiệp như tham, sân.

3. Nghiệp vẫn đục do Si khởi, đều lấy vô trí làm căn bản, mà được sinh khởi. Nếu có thể dứt trừ vô trí căn bản này trong tất cả chúng, thì sẽ khởi một pháp của tất cả tạp nhiễm: giải thích nghĩa căn bản, là một

pháp vô minh.

Thứ nhất trong đây đã khởi sự thật tạp nhiễm tổn giảm, là tà kiến đầu tiên.

Thứ hai, sự giả dối tăng ích, nghĩa là tham sân.

Thứ ba, là hiển rõ về như thật kia, có thể tạo nên ngu si, nghĩa là người khởi nghiệp vẩn đục. Vì có ngu si đối với hai nhân ấy, nên bằng nhau. Nghĩa là vì ngu làm nhân cho hai thứ tham, sân ở trước, nên có thêm bớt.

Thứ hai, là giải thích môn trí có hai thứ trí như thật:

1/ Tác ý như lý đã phát, nghĩa là hai Tuệ Văn, Tư.

2/ Tam-ma-địa đã phát, tức Tu Tuệ. Phải biết rằng, hạnh này khác với hạnh trước, nghĩa là hành tướng của tu tuệ khác với Tư.

Thứ ba, là giải thích định, nói năm chuyển là:

1. Quán tự tánh của các hành.
2. Nhân duyên của các hành.
3. Nhân tạp nhiễm.
4. Nhân thanh tịnh.
5. Thanh tịnh.

Thứ tư, là giải thích về thù thắng. Nói “Đối với hai nơi chốn, Đức Như lai đã chứng đắc trí an lập thù thắng, hoặc sinh tử Niết-bàn, hoặc hai đế là hai nơi chốn”, văn giải thích chỗ tà nạn, chỗ chánh nói.

Nói “Do ba thứ tương ứng biết rõ về chánh v.v...”. Nghĩa là quá khứ, vị lai đều có một, trong ngoài hiện tại hợp làm một.

Thứ năm, là giải thích chương. Luận sư Cảnh nói: “Một, là hai môn; Hai, là Hai thời; Ba, là Hai Địa. Triển khai ba môn này, lại theo thứ lớp giải thích về “đẳng”, đã dẫn phát ba thứ đẳng trì, có thể làm chương ngại:

1. Đối với địa vị phàm phu, đã tu vô lượng, đều thực hành Đẳng trì.
2. Đẳng trì hữu học.
3. Đẳng trì Vô học.

Năm thứ đối trị: Hoặc là tự tánh các hành, nhân của các hành, đều có năm, cũng có năm pháp quán dừng tâm, gọi là đối trị. Phải biết rằng, trong năm môn này, trước thọ dụng các dục v.v... trong quá khứ là môn thứ nhất. Lại có hiện tại ở nhà tất cả lợi dưỡng v.v... là môn thứ hai. Kế là, nói khi đi khi đứng, là giải thích về hai thời, kế là nói, Địa phàm phu, Địa hữu học.

Giải thích hai địa, thứ nhất trong đây, môn ý lạc đem lại lợi ích,

yên vui cho các hữu tình, đều cùng thực hành, nghĩa là kết kế là trước rằng: “Lại, đối với phàm phu đã tu vô lượng v.v...”

Thứ hai, là lãnh thọ giải thoát đẳng của hữu học, kết văn kế là trước, cũng ở Hữu học có thể khéo thông suốt.

Thứ ba, là lãnh thọ đẳng giải thoát của Vô học, kết trước, cũng với phương tiện của Vô học, siêng tu bốn không buông lung, nghĩa là vào ban ngày, hoặc đi, hoặc ngồi v.v... vì ban đêm cũng có hai, nên có bốn”.

Luận sư Đạt nói: “Trong đó, sơ lược chia ra năm môn để lập tông:

1- Hai môn.

2- Hai thời.

3- Hai địa.

4- Đã dẫn phát ba thứ Đẳng trì có thể làm chướng ngại.

5- Vì muốn dứt trừ chướng ngại, nên siêng tu năm tri: Bốn thứ trước là sở tri, một thứ sau là đạo Năng tri.”

“Phải biết rằng, trong đây, trở xuống thứ hai, giải thích riêng về năm môn, tức là năm đoạn:

Đoạn đầu giải thích hai môn:

1/ Môn các dục quá khứ.

2/ Môn các dục của cư sĩ tại gia hiện tại.

“Lợi dưỡng, cung kính trong đây” trở xuống, là đoạn thứ hai, giải thích về môn hai thời - Lúc đi, Lúc đứng.

“Tức là các dục này” trở xuống là đoạn thứ ba, giải thích môn hai Địa.

Lại, “Đối với phàm phu đã tu vô lượng” trở xuống, là đoạn thứ tư, giải thích ba thứ đẳng trì đã dẫn phát, có thể làm chướng ngại.

“Nếu muốn nhanh chóng chứng quả Sa-môn v.v... là đoạn thứ năm, giải thích về đạo “năng tri”. Đây là hai môn đối trị thứ nhất. Do đây biết tu chánh niệm, vì chánh niệm, chánh trí là chỗ nương tựa.

Dưới đây, là nói về môn đối trị ba thời thứ hai:

nói bốn không buông lung:

1) Thời gian ban ngày.

2) Hoặc đi.

3) Hoặc ngồi.

4) Trong ba thời gian này, tịnh tu tâm mình.

“Như thế phát khởi v.v... ” trở xuống, là nói đối trị thứ ba. Môn trị hai địa tất cả các dục, trong đây tu Xa-ma-tha là “chủ thể trị”(năng

trụ).

“Hoàn toàn niện trụ v.v...” trở xuống, là nói về đối trị thứ tư, trị ba thứ đấng trì đã dẫn phát, có thể làm chướng ngại. Tu Tỳ-Bát-Xá-Na trong đây là chủ thể trị.

“Đã nhập chỉ, quán v.v...” trở xuống, là nói về đối trị thứ năm. Trong đây, song tu hai phần chỉ, quán là đối trị thứ năm.”

Dù có giải thích này, nhưng nay, lại theo giải thích trước.

Thứ sáu, là giải thích về học v.v... Nói “Nếu các Vô học, hoặc vì thất niện (quên) nên lùi lại hiện pháp lạc, nhưng không thể lui mất. Giải thoát, nghĩa là vì đã dứt trừ hạt giống “hoặc”, nên không lui sụt giải thoát.

Dưới đây, là nói về vấn nạn của người ngoài:

“Nếu có người tu hành không buông lung cho đến “đâu còn cần dùng. Đã được giải thoát. Giải thoát không lùi, lại tu không buông lung nữa thì đâu cần dùng nữa. Dưới đây sẽ giải thích:

“Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trụ cho đến “chẳng phải không buông lung”, Luận sư Cảnh nói: “Nếu vì chứng đắc lạc trụ, siêng tạo nên công dụng như công nghiệp, chẳng phải không phón dật, không do đâu mà được, ở đây cũng như thế.”

Luận sư Đạt nói: “Văn này lẽ ra nói rằng: “Chẳng phải không buông lung ư?. Do hai nhân duyên, nên biết rằng, phàm phu kia đối với sáu chỗ vắng lặng, có ngã mạn, không có ngã mạn, nghĩa là chưa diệt cho là diệt, chưa chứng đắc, cho là chứng đắc.”

Thứ bảy, giải thích môn chấp mắc. “Nói “Duyên theo thức. Luận sư Cảnh nói: “Tức là hai”. Luận sư Đạt nói: “Về hai duyên này, có ba giải thích”.

1/ “Danh, sắc và thức, nên nói hai duyên”. 2/ Lại, nói: “Hai duyên căn, cảnh, nên nói hai duyên”.

Lại, giải thích: “1, Duyên lợi dưỡng, cung kính. 2, Duyên lìa dục, như văn, mà hiểu.

Thứ tám, là giải thích vô ngã. Nói “Trừ tự tánh thức nhân duyên giúp đỡ, ngoài ra vì tất cả không thật có”, nghĩa là ngoài ra, thể của “ngã” không thật có.

Thứ chín, là giải thích Thánh đạo. Do năm thứ tướng, phải biết rằng, tám thánh đạo vượt hơn hết, không có tội.

“Văn dưới đây có sáu câu, vì sao gọi là năm?” Tam tạng Pháp sư nói: “Hai câu sau hợp thành một, nên có năm tướng”.

Vì sao phải hợp? Vì đều phân biệt ngoại đạo, nên quả có năm

tướng.”

Như môn Nhiếp Dị: nghĩa là vì Bà-la-môn không có do dự v.v... v.v... là có năm câu, như quyển tám mươi bốn nói.

Thứ mười, là giải thích về phần không đồng của hai biển.

Nói “Do phàm phu kia vì chưa vượt qua biển này, nên cũng chưa lợi qua biển cả của hai cảnh giới trước”, nghĩa là phàm phu lìa dục kia, ở bên trong đều có biển cả của sáu xứ khác, chưa thể biết rõ là khổ, gọi là chưa lợi qua, nên nhắm vào thuyết trước nói là năm cảnh đáng yêu. Và, do ý đã nhận thức các cảnh đáng yêu, cũng chưa lợi qua”.

Trên đây, nửa bài tụng đầu, hai môn trước trong nêu bốn môn đã giải thích xong.

Dưới đây, thứ ba giải thích một bài tụng đồng đẳng có mười môn:

1- Đạo không đồng phần

2- Thấy không đồng phần

3- Nước có vua.

4- Hai thế gian.

5- Hữu vi.

6- Ngăn ngừa hành động của thân.

7- Chấp chặt tánh của ba không là ba, cộng với bảy môn trước thành mười.

Trong giải thích của văn xuôi, đầu tiên, là giải thích phần không đồng của đạo.

Nói “nếu hướng đến hành của khổ, tập” nghĩa là nghiệp và phiền não, hoặc thú hướng hành của khổ, diệt, là thánh đạo vô lậu, gọi là tánh không đồng, tức tánh này hướng đến hành chuyển diệt. Hoặc có chuyển hành cộng tướng của hữu vi, nghĩa là quán vô thường, hoặc có chuyển hành của cộng tướng hữu vi, vô vi, nghĩa là quán chung các pháp là “không” vô ngã. Phải biết rằng, nếu hành tướng của các cộng tướng hữu vi đối với đạo quả kia, thì gọi là không đồng phần, nghĩa là vì quán quả vô vi, nên nếu hành tướng của cộng tướng hữu vi, vô vi, thì hành tướng đó so với quả đạo, cũng gọi đồng phần: lý vô ngã chung, cho Niết-bàn, cũng thường vô ngã”.

Thứ hai, là giải thích về không đồng phần của các Luận sư. Đại khái có năm hạng Luận sư giả lập câu:

1- Hướng về hành của các chấp, hành của trôi lăn.

2- Thú hướng hành tận của các chấp, nghĩa là hành của hoàn diệt.

3- Hoặc tất cả pháp biết khắp.

4- Dứt hẳn.

5- Tạo nên bờ mé khổ, hoặc đối với năm tướng kiến lập ở trong mỗi tướng. Luận sư Cảnh nói: “Năm thọ, cũng có thể là năm thủ uẩn”.

Luận sư Đạt nói: “Trước nói năm Luận sư”,

Không dựa vào tác dụng Tát-ca-da, kiến của bốn tướng, phạm phu kia vì nương tựa vào bốn thứ hành tướng kiêu, mạn, nghĩa là ngoại đạo chấp sắc trong một uẩn là sắc ngã, sắc anh lạc của ngã, là sắc ngã của nô bộc, nhà thám dấn. Dựa vào bốn nghĩa này khởi bốn ngã mạn. Đã đối với mỗi một tướng, không khởi bốn thứ ngã kiến, tức là dứt bốn thứ ngã mạn.

Nói “Nếu tùy duyên khởi vì sức tăng thượng, nên hạt giống của hữu sau ở trong hiện pháp, hoặc tăng hoặc giảm v.v... nghĩa là quán thuận mười hai duyên khởi là tăng, quán nghịch là giảm. Do quán thuận, nghịch này, hữu sau đương lai, hoặc sinh, bất sinh, tức là quán hai duyên nhiễm tịnh”.

Thứ ba, là giải thích nước có vua.

Thứ tư, là giải thích hai thế gian, đều như văn, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là giải thích hữu vi, trong đó có hai:

1- “Không” hữu vi.

2- “Không” vô vi.

Không hữu vi, nghĩa là không, không có thường hằng và không có ngã, ngã sở. Trong vô vi “không”, chỉ vô tánh ngã sở. Lại, “Tánh không này. Đến làm cõi sở y, tức tánh “không” vô vi này y cứ chung tánh biến kế nhân, pháp là không, nhân duyên y tha y cứ pháp “có” nhưng không quyết định, đạo lý pháp, nhĩ là cõi sở y.

“Ở đây, hoặc như thế cho đến” đạo lý pháp nhĩ”. Luận sư Cảnh nói: “ Ở đây, hoặc đạo lý Đại thừa như thế, tức pháp nói “không”. Hoặc “khác” nghĩa là các bộ chấp pháp khác với “không”, hoặc “phi” nghĩa là hoặc có ngoại đạo chấp “không” chẳng “khác” với pháp, chẳng phải không khác. Dưới đây, là kết luận, nói về pháp, không pháp mà nói khắp tất cả xứ đều đồng quy đạo lý pháp nhĩ”.

Luận sư Đạt nói: “Hữu vi, vô vi ở trước cũng vì là vô ngã, nên nói “ở đây hoặc sắc tướng như thế cho đến” pháp tướng đều khác, cho nên ‘hoặc’ khác, vì sắc đối với tự hoại sắc sinh nhau, nên nói “không” phải khác.

Thứ sáu, là giải thích ngăn ngừa hành động của thân, chỉ ngăn ngừa hành động của thân được bờ mé thế gian. Hoặc dùng trí cũng chấp

được bờ mé thế gian kia.

Trong đây, phải dựa vào đạo lý thẳng. Nghĩa v.v..., nghĩa là nói chung hai đế, gọi là dựa vào thẳng nghĩa: 1) Nên biết thế gian. 2) Hoặc được phương tiện bờ mé thế gian. 3) Và bờ mé thế gian. Dưới đây, theo thứ lớp, sẽ giải thích về ba môn này, nghĩa là “Ở sáu xứ có tướng thế gian” trở xuống là giải thích “Nên biết thế gian”.

“Ở chỗ sáu xứ, do năm chuyển kia”, là giải thích môn thứ hai. Năm chuyển, nghĩa là quán nhân duyên tự tánh của sáu xứ xứ, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh, kể cả thanh tịnh.

Nhân của các hành vị lai vì dứt hết hẳn, nên gọi là hay đến bờ mé thế gian, nghĩa là giải thích thứ ba và bờ mé thế gian.

“Đối với nhân của quả thế gian trở xuống, là giải thích rải rác văn kinh”.

Thứ bảy, là giải thích chấp chặt đầu tiên, là nói về người xuất gia ngoại đạo khởi ác không bỏ.

Trong đây, không làm trở xuống, điều mà người tu theo Phật pháp không nên làm, dù có làm cũng không nên chấp chặt, vì tạp nhiễm nối tiếp nhau, có thể giao động phạm hạnh.

Thứ tám, là giải thích hai thứ không trụ, tức là đầu tiên của ba không tánh trong bài tụng, có hai thứ không trụ:

1- Không trụ tôn thắng có hai nghĩa: a) Dùng “không” mà bậc tôn thắng La-hán đã trụ, gọi là không “tôn thắng”.

2- Tức “không” đã trụ vượt hơn trong các trụ, gọi là trụ tôn thắng.

Hai dẫn trụ “không” kia, nghĩa là tinh tấn, siêng năng tu đạo, trừ “hoặc” chứng “không” gọi là dẫn tánh “không”. Đối với phiền não bên trong, có biết là có “không biết”, vì không có tu hành để dứt trừ, gọi là khéo biết tánh “không”.

Thứ chín, giải thích hai, “không” tà, chánh, đó là tánh không thứ hai trong ba tánh không, lại nữa chánh kiến viên mãn cho đến tu tập tánh “không” có thuyết nói: “Phân biệt y tha, tánh viên thành thật, tất cả đều “không”, không hợp với chánh lý gọi là “tà không”. Nay, quán biến kế sở chấp nhân, pháp đều là không. Nhân duyên y tha và viên thành thật là pháp “có” “không”, thật có, bất không gọi là vượt qua, “tà không”. Về nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là vì đối với chỗ này, chỗ khác chẳng phải có, nên chánh quán là “không”, biến kế chấp là không. Nếu vì ở nơi này, nơi khác “có”, nên biết như thật có, là “có” của y tha v.v...

Kế là, nêu trong dụ có hai: Du đầu, trước sau, “có” “không”, bất không, sau dụ đồng thời “có” “không”, bất không. Trong hợp dụ lại có hai, rất dễ hiểu.

Nói “Nếu quán các pháp do tự tướng, nên một loại là “có”, một loại chẳng thật có, nghĩa là y tha chân thật là “có”, Biến kế chấp “chẳng thật có”. “Có”, “chẳng thật có” này rất ráo xa lìa. Nghe nói Y tha v.v... có, biến kế chấp là không, rồi quyết định chấp nhất định có, nhất định không. Quyết định có, không có này lại là Biến kế, nên Có, Chẳng thật có này rất ráo xa lìa, cũng có thể cái “có” của y tha v.v... “chẳng phải có” của Biến kế, đều chẳng phải là tâm phân biệt chấp lấy, nên nói rất ráo xa lìa.”

“Vì đạo thế gian tu tánh “không”: dưới đây là nói các bậc thánh ban đầu dùng đạo thế gian tu về tánh không, dưới đây là nói về đạo vô lậu quán “không”.

Thứ mười, giải thích về chứng tu “hai không”, tức là tánh không thứ ba trong ba tánh “không”, trong đó, trước phân biệt rộng, sau nói nghĩa lược.

Trong phần trước có bốn:

1/ Nói về tánh “không”.

2/ Y cứ ở hành, nói về “sở y” của “không”.

3/ Nói về tu địa vị “không”, tức là địa vị phàm, địa vị Hữu học.

4/ Lại nói về phương tiện tu “không”.

Đầu tiên, là nói có hai thứ “không”:

a. “Không” nên chứng là lý.

b. “Không” nên tu là trí.

Nếu vì đối với hai “không” này không thành xong, nên lui sụt bốn niềm vui mâu nhiệm, nghĩa là:

1. Đối với tất cả nhiếp thọ việc xấu ác v.v... có niềm vui khéo ra khỏi

2. Giải thoát tham v.v... được niềm vui xa lìa mâu nhiệm trong Sơ thiên.

3. Tâm, Từ niềm vui vắng lặng nhiệm mâu của chỉ tức, tức Nhị thiên trở lên.

4. Hai giải thoát gồm thu không có tạo tác, không có sợ hãi thuộc về niềm vui của Diệu đẳng giác.

Dưới đây, không giải thích ba thứ vui trước, chỉ giải thích niềm vui thứ tư.

Hai giải thoát gồm thu không có tạo tác, không có sợ hãi v.v... nên

“không” đã chứng, đại khái có hai thứ: 1- Ngoài, 2- trong.

“Không bên ngoài cho đến “chính là năng tác chứng”, nghĩa là năm thứ dục mâu nhiệm dẫn phát năm thứ tướng sắc.nay, chứng năm dục bên ngoài là “không”, vì không có tánh quyết định, nên tướng năng, sở thủ cũng đều vượt qua, đối với lia dục tham, chính là năng tác chứng.

“Không” bên trong, nghĩa là các hành bên trong: là Năm căn. Vì ở trước nói trong cái “không” bên ngoài chỉ nói là năm sắc nay giải thích không bên trong cũng chỉ nói năm căn, lẽ ra “không” đã tu cũng có hai thứ cho đến “Tu kiến vô thường” nghĩa là vì do kiến chấp vô thường, mỗi niệm sinh diệt không tự tại, nên nói biết vô ngã, vì vô ngã, nên “không”. Cho nên, nay, nêu kiến chấp vô thường, cũng gọi là tu “không”.

Dưới đây, thứ hai là nói về bốn thứ sở y “không”. Phải biết, bốn hành làm chỗ nương tựa “không” bên ngoài thứ nhất, dùng thứ hai trụ ở tâm “không” bên trong, vì sức tăng thượng, nên được định Sơ thiền, ly sinh hỷ lạc, thấm nhuần thân kia làm chỗ nương tựa. Và vì biết khắp ngã mạn ý lại, lấn át vào không, nên trụ “không” bên ngoài.

Thứ hai, là không bên trong, tức là dùng thứ ba, đối với pháp trong, ngoài, tu kiến “không”, vô ngã làm chỗ nương tựa.

Thứ ba, là kiến vô ngã, tức dùng tu kiến vô thường kia làm chỗ nương tựa. Kiến vô thường dùng nghe chánh pháp, tác ý như lý làm chỗ nương tựa. Lại, ở trong đây, nếu các Bí-sô vì lia dục tham v.v...” trở xuống, là thứ ba, nói về tu địa vị “không” có ba:

1. Kiến đạo trở xuống.
2. Ở hữu học.
3. Ở Vô học.

Kiến đạo trở xuống mới tu “không” bên ngoài, do môn ngã mạn, tâm không rong ruổi v.v... tùy quán sát, nghĩa là vì do ngã, nên gắng sức tu “không”, tâm không rong ruổi. “Do tướng vắng lặng” trở xuống, kế là quán không bên trong, “tức ở trong, ngoài”, trở xuống, là thứ ba, tu kiến vô ngã cho đến đối với v.v... trở xuống, là thứ tư tu kiến vô thường. Kiến vô thường, kiến vô ngã làm nhân, gọi là giới bất động. Giới là nghĩa nhân. Do ở chỗ này, không có tâm thắng giải” v.v... trở xuống, là nói về địa vị hữu học tu “không”. Hoặc duyên nhiều thứ quán sát như bất tịnh v.v... cho đến “Đối với tất cả chỗ đều có thể chứng nhập.

“Do nhân duyên này, đối với “không” sở chứng, chủ thể chứng viên mãn, trở xuống là nói về địa vị Vô học, chứng “không” viên mãn,

trừ kiết phần trên, phần dưới dứt hết.

“Vì khiến cho v.v...” trở xuống, là thứ tư, trừ nói về phương tiện tu “không”.

Nói “bốn thứ tạp nhiễm”, nghĩa là về sau, vì có tánh nhân nên bằng nhau: tức bốn chữ “cố” (vì) là bốn nhiễm.

Ngôn thuyết có hai:

1. Theo đuổi âm thanh, hiểu lời nói.
2. Theo đuổi pháp, thực hành ngôn thuyết.

Nghĩa là kế là ngôn lời nói, chấp thực hành. Ngôn thuyết trước. Lại, khéo biết lường, lìa các nhiễm mà khởi lời nói. Do thế văn kia, nên nói rằng lời nói có hai bình đẳng, nên biết trong đây. “Với nghĩa lược chung trở xuống, là nói về nghĩa lược kia, tìm văn, sẽ hiểu”.

